TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 357/2023/DS-PT
Ngày 13/11/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng ủy quyền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Những.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Võ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng ủy quyền".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 637/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Đinh Quốc K, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Số B, đường P, tổ A, Khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Thành N, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 6 năm 2022).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Kim P, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

2. Ông Lê Văn B, sinh năm: 1967;

3. Bà Võ Thị T, sinh năm: 1966;

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

4. Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1;

Địa chỉ: Số A, đường N, khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn L.

(Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Đinh Quốc K và bị đơn ông Trần Văn L, đều có mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Trần Thành N đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 09 tháng 4 năm 2020, ông Đinh Quốc K có cho ông Trần Văn L vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2020. Ông K đã giao 500.000.000 đồng một lần cho ông L tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 và ông L đã nhận tiền, ông L đồng ý để ông K lấy lại 60.000.000 đồng tiền lãi của tháng 4, 5 và 6, ông L còn nhận tiền mặt 440.000.000 đồng các bên đã giao nhận tiền xong. Giữa các bên vay nhận tiền có thể hiện bằng văn bản là giấy cầm đất ngày 09 tháng 4 năm 2020, ông L và ông K ký, viết họ và tên. Để làm tin ông L có thế chấp bằng hình thức hợp đồng ủy quyền cho ông K thửa đất số 401, tờ bản đồ số 04, loại đất ONT, diện tích 574m^2; địa chỉ đất: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An theo hợp đồng ủy quyền đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 công chứng số 9137, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09 tháng 4 năm 2020, đất do ông Lê Văn B đứng tên trên giấy chứng nhận QSDĐ ngày 04 tháng 3 năm 2008 nhưng ông Lê Văn B và bà Võ Thị T đã ủy quyền lại cho ông Trần Văn L theo hợp đồng ủy quyền đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 công chứng số 9130, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09 tháng 4 năm 2020, nội dung ủy quyền là ông L được nhân danh ông B, bà T1 *quản lý, sử dụng, cho thuê, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, được nhận tiền cọc, tiền chuyển nhượng đất, thụ hưởng số tiền nhận đất…… trong phạm vi ủy quyền ông L được ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện các công việc ủy quyền nêu trên*. Về hình thức là hợp đồng ủy quyền nhưng thực tế là thế chấp thửa đất số 401. Do vậy, giao dịch vay tiền là có thật, còn hợp đồng ủy quyền là giả tạo nên nội dung ủy quyền ông K không cần phải xem kỹ, do theo mẫu của Văn phòng công chứng đưa ra, ông chỉ căn cứ trên giấy tờ ký hợp đồng ủy quyền chứ thực tế đất ông K không biết ở đâu, cũng không nghe ai nói đất bị sạc lở không còn nguyên hiện trạng. Do ông K không phải nhận chuyển nhượng đất nên không quan tâm

đến đất, chỉ khi hết thời hạn 03 tháng vay, mà ông L không trả tiền nên ông K có yêu cầu trả tiền thì ông L cho ông K biết là ông L không có tiền trả.

Sau khi vay tiền ông L chỉ trả được ba tháng lãi suất, còn tiền gốc chưa trả cho ông K như thỏa thuận mà ông L tìm cách tránh mặt. Do ông Trần Văn L vi phạm nghĩa vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông K nên ông Đinh Quốc K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn L phải trả cho ông Đinh Quốc K số tiền gốc 500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 09 tháng 4 năm 2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Theo đơn khởi kiện bổ sung ông K yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn L phải trả cho ông Đinh Quốc K tổng các khoản tiền lãi tính từ ngày 09 tháng 7 năm 2020 đến ngày 24 tháng 4 năm 2023 là 194.880.000 đồng gồm:

- Tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất 0,8%/tháng với thời hạn 3 tháng từ ngày 09 tháng 7 năm 2020 đến ngày 09 tháng 10 năm 2020 là: 500.000.000 đồng X 0,8% X 3 tháng = 12.000.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (bằng 150% lãi suất trong hạn) với thời gian chậm trả tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2020 đến ngày 24 tháng 4 năm 2023 là 30 tháng: 500.000.000 đồng X 1,2% X 30 tháng = 180.000.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2020 đến ngày 24 tháng 4 năm 2023 là 30 tháng: 12.000.000 đồng X 0,8% X 30 tháng = 2.880.000 đồng. Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi trả lãi trên nợ gốc chậm trả và lãi trên nợ lãi chậm trả từ ngày 25 tháng 4 năm 2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đồng thời, còn yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng ủy quyền công chứng số 9137, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09 tháng 4 năm 2020, tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 giữa bên ủy quyền ông Lê Văn B, bà Võ Thị T có người đại diện ông Trần Văn L với bên được ủy quyền ông Đinh Quốc K.

Tại phiên tòa người đại diện cho ông K đồng ý tính lại lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 60.000.000 đồng mà ông L đã trả cho ông K của lãi tháng 4, 5 và tháng 6. Đối với yêu cầu tính lãi trên nợ lãi chậm trả với số tiền 2.880.000 đồng, đại diện nguyên đơn không yêu cầu.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn L trình bày:

Giữa ông với ông K không có quen biết, mà ông chỉ biết ông Nguyễn Văn D cùng ở địa phương, ông D quen biết với ông H nên ông D có giới thiệu cho ông H biết là ông L đang cần chuyển nhượng thửa đất 401, tờ bản đồ số 04, loại đất ONT, diện tích 574m^2; địa chỉ đất: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An với giá 500.000.000 đồng, rồi ông H giới thiệu cho ông K, ông H chụp hình ông và cầm giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất 401 đưa cho ông K xem, ông K thấy đất phù hợp nên đã đồng ý nhận chuyển nhượng. Ông D, ông H có hẹn ông với ông K đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 để ký hợp đồng ủy quyền, khi đến Văn phòng công chứng ông K chỉ ký hợp đồng ủy quyền rồi ông K đưa

cho ông 500.000.000 đồng, ông K lấy lại 60.000.000 đồng tiền lãi của tháng 4, 5 và tháng 6.

Thửa đất 401, ông nhận chuyển nhượng lại của ông Lê Văn B, bà Võ Thị T ở cùng địa phương. Ông nhận chuyển nhượng thửa đất số 401 của ông B, bà T cũng thông qua hình thức hợp đồng ủy quyền để ông chuyển nhượng đất, cùng ngày mà ông ký ủy quyền cho ông K. Sau khi, ông K lấy lại 60.000.000 đồng của 03 tháng lãi ông K đưa cho ông 440.000.000 đồng, rồi ông K lấy lại 400.000.000 đồng đưa cho ông D để ông D đưa cho bà T, ông B từ việc ông nhận chuyển nhượng thửa đất 401 để chuyển nhượng lại cho ông K. Giữa ông D với bà T, ông B giao dịch đưa bao nhiêu tiền chuyển nhượng thửa đất 401 và nhận tiền môi giới thì ông không biết, thực tế ông chỉ nhận 40.000.000 đồng từ việc chuyển quyền lại thửa đất 401 cho ông K. Ông thừa nhận có ký tên vào giấy cầm đất ngày 09 tháng 4 năm 2020 và nhận số tiền 500.000.000 đồng.

Ông đã chuyển nhượng đất cho ông K và ông K đang giữ bản chính giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất 401 nên ông K được toàn quyền sử dụng đất. Do vậy, việc ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn L phải trả cho ông Đinh Quốc K số tiền gốc 500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 09 tháng 04 năm 2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, cũng như theo đơn khởi kiện bổ sung ông K yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn L phải trả cho ông Đinh Quốc K số tiền lãi tính từ ngày 09 tháng 7 năm 2020 đến ngày 24 tháng 4 năm 2023 là 194.880.000 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi trên nợ gốc chậm trả và lãi trên nợ lãi chậm trả từ ngày 25 tháng 4 năm 2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng ủy quyền công chứng số 9137, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09 tháng 4 năm 2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 giữa bên ủy quyền ông Lê Văn B, bà Võ Thị T có người đại diện ông Trần Văn L với bên được ủy quyền ông Đinh Quốc K. Sau khi trừ đi lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 60.000.000 đồng mà ông đã trả cho ông K của lãi tháng 4, 5 và tháng 6 thì ông không đồng ý.

Tại Bản án sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 116, 117, 124, 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự; căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Quốc K đối với ông Trần Văn L.

1. Buộc ông Trần Văn L phải trả ông Đinh Quốc K số tiền 638.583.576 đồng.

2. Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13 ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Vô hiệu hợp đồng ủy quyền công chứng số 9137, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09 tháng 4 năm 2020, tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 giữa bên ủy quyền ông Lê Văn B, bà Võ Thị T có người đại diện ông Trần Văn L với bên được ủy quyền ông Đinh Quốc K.

5. Buộc ông Đinh Quốc K phải trả cho ông Trần Văn L bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số AL 864057, số vào sổ H 0731 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Lê Văn B ngày 04 tháng 3 năm 2008, đối với thửa đất số 401, tờ bản đồ số 04, loại đất ONT, diện tích 574m2; địa chỉ đất: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An .

6. Về án phí: Ông Trần Văn L phải nộp 29.844.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho ông Đinh Quốc K số tiền: 12.000.000 đồng tạm ứng án phí mà ông K đã nộp theo biên lai thu số 0004752 ngày 08 tháng 7 năm 2022, số tiền 4.870.000 đồng tạm ứng án phí mà ông K đã nộp theo biên lai thu số 0012078 ngày 26 tháng 4 năm 2023 và 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông K đã nộp theo biên lai thu số 0012079 ngày 26 tháng 4 năm 2023, đều tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 21/06/2023, bị đơn ông Trần Văn L kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông Trần Văn L trình bày: Ngày 09/2/2020 ông có đứng hộ ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D thửa đất 401, thửa đất này do ông D mua của ông Lê Văn B. Sau đó ông vay hộ dùm ông D 500.000.000 đồng của ông K với lãi suất 4%. Ông K lấy lãi trước 03 tháng là 60.000.000 đồng, ông chỉ nhận từ ông K 440.000.000 đồng, sau đó ông đưa lại cho ông D 400.000.000 đồng, còn giữ lại 40.000.000 đồng tiền hoa hồng, còn ông D trả cho ông B bao nhiêu thì ông không biết. Trước khi ông K cho vay thì ông K có cho ông H là người của ông

K đi cùng ông D đến xem đất, còn ông thì ông không biết. Sau 04 tháng sau khi vay đến thời hạn đóng tiền lãi do ông D không có khả năng đóng lãi nên thương lượng cùng ông K lấy đất luôn trừ nợ ông K cũng đồng ý. Sau đó do đất mất giá và thửa đất cũng bị sạt lở nên ông K đổi ý đòi tiền vay. Nếu ông K không đồng ý vì sao không kiện kể từ thời điểm sau 04 tháng vay mà để 02 năm sau mới khởi kiện là không phù hợp gây thiệt hại cho ông. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông K.

Ông Trần Thành N đại diện cho ông Đinh Quốc K không thừa nhận là ông K đồng ý nhận đất để trừ nợ vay. Việc ủy quyền thửa đất từ ông L sang cho ông K là hợp đồng thế chấp thửa đất chứ không phải ý chí các bên là chuyển nhượng đất, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa ông L thừa nhận số tiền 500.000.000 đồng ông K cho vay là chính ông L trực tiếp nhận từ ông K, về số tiền lãi 60.000.000 đồng ông K nhận trước của ông L cấp sơ thẩm cũng đã tính lại cho phù hợp với quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho ông L, còn việc ông L cho rằng ông chỉ đứng tên hộ đối với thửa đất 401 cho ông D, sau đó cũng vay tiền hộ cho ông D và ông đưa lại cho ông D 400.000.000 đồng, còn giữ lại 40.000.000 đồng tiền hoa hồng, còn ông D trả cho ông B bao nhiêu thì ông không biết. Vấn đề này là quan hệ giữa ông H, ông D, ông B và ông L trong việc ủy quyền đất cũng như việc giao nhận tiền trong quá trình giải quyết cấp sơ thẩm các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét trong vụ án này. Ông L cũng không chứng minh được là sau khi hết thời hạn vay 03 tháng thì ông K đồng ý nhận chuyển nhượng luôn thửa đất 401 để khấu trừ nợ. Từ các chứng cứ và phân tích trên đề nghị Hội

đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 5 năm 2023, ông Trần Văn L kháng cáo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 70, Điều 271, Điều 272,

Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Ông Trần Văn L kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Ngày 09 tháng 4 năm 2020, ông Đinh Quốc K có cho ông Trần Văn L vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2020. Ông K đã giao 500.000.000 đồng một lần cho ông L tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 và ông L nhận tiền. Ông L đồng ý để cho ông K lấy lại 60.000.000 đồng tiền lãi của tháng 4, 5 và tháng 6, ông L chỉ còn nhận tiền mặt 440.000.000 đồng, ông K, ông L đều ký ghi họ và tên vào giấy cầm đất ngày 09 tháng 4 năm 2020 đã được ông K và ông L thừa nhận. Để bảo đảm nợ tiền ông L có thế chấp thửa đất số 401 cho ông K bằng hình thức hợp đồng ủy quyền cho ông K thửa đất số 401, tờ bản đồ số 04, loại đất ONT, diện tích 574m2; địa chỉ đất: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

[4.2] Tại phiên tòa ông L thừa nhận số tiền 500.000.000 đồng ông K cho vay là chính ông L trực tiếp nhận từ ông K, về số tiền lãi 60.000.000 đồng ông K nhận trước của ông L cấp sơ thẩm cũng đã xem xét lại theo đúng quy định của pháp luật. Ông L cho rằng ông chỉ đứng tên hộ đối với thửa đất 401 cho ông D, sau đó cũng vay tiền hộ cho ông D và ông đưa lại cho ông D 400.000.000 đồng, còn giữ lại 40.000.000 đồng tiền hoa hồng, còn ông D trả cho ông B bao nhiêu thì ông không biết. Như Viện kiểm sát nhận định vấn đề này là quan hệ giữa ông H, ông D, ông B và ông L trong việc ủy quyền đất cũng như việc giao nhận tiền trong quá trình giải quyết cấp sơ thẩm các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét trong vụ án này. Ông L cũng không chứng minh được là sau khi hết thời hạn vay 03 tháng thì ông K đồng ý nhận chuyển nhượng luôn thửa đất 401 để khấu trừ nợ. Từ các chứng cứ và phần tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Trần Văn L không được chấp nhận nên ông Trần Văn L phải chịu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn L

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ các điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Quốc K đối với ông Trần Văn L.

1. Buộc ông Trần Văn L phải trả ông Đinh Quốc K số tiền 638.583.576 đồng.

2. Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13 ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Vô hiệu hợp đồng ủy quyền công chứng số 9137, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09 tháng 4 năm 2020, tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T1 giữa bên ủy quyền ông Lê Văn B, bà Võ Thị T có người đại diện ông Trần Văn L với bên được ủy quyền ông Đinh Quốc K.

5. Buộc ông Đinh Quốc K phải trả cho ông Trần Văn L bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số AL 864057, số vào sổ H 0731 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Lê Văn B ngày 04 tháng 3 năm 2008, đối với thửa đất số 401, tờ bản đồ số 04, loại đất ONT, diện tích 574m^2; địa chỉ đất: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An .

6. Về án phí: Ông Trần Văn L phải nộp 29.844.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho ông Đinh Quốc K số tiền: 12.000.000 đồng tạm ứng án phí mà ông K đã nộp theo biên lai thu số 0004752 ngày 08 tháng 7 năm 2022,

4.870.000 đồng tạm ứng án phí mà ông K đã nộp theo biên lai thu số 0012078 ngày 26 tháng 4 năm 2023 và 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông K đã nộp theo biên lai thu số 0012079 ngày 26 tháng 4 năm 2023, đều tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Văn L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Do ông Trần Văn L có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo B1 lại thu số 0012223 ngày 21/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, số tiền trên được chuyển sang án phí, ông Trần Văn L không phải nộp tiếp.

8. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu thi hành ngay sau khi tuyên án.

9.Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Những